TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên

Ngày 21/5/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXST-HNGĐ ngày 04/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C - sinh năm: 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường B, P. Đ, TP. T.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn B - sinh năm: 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Phố B, P. Đ, TP. T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị C trình bầy:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND P. Đ, TP. T năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phố B, P. Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể hàn gắn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh B thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Lê Văn Q sinh ngày 30/10/1995 (đã thành niên) và Lê Mạnh C2 sinh ngày 18/9/2000. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C2, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Tại đơn đề nghị ngày 07/5/2018 chị đề nghị nếu cháu C2 muốn ở với bố chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Văn B: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh không có mặt.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2018 cháu Lê Mạnh C2 trình bày nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố là Lê Văn B.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Vợ chồng chị C anh B sau khi kết hôn sinh sống tại phố B, phường Đ, TP. T. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân thì chính quyền không nắm rõ. Từ năm 2015 đến nay chị C không sinh sống tại phố nữa. Vợ chồng chị C anh B có 02 con chung là Lê Văn Q sinh ngày 30/10/1995 (đã thành niên) và Lê Mạnh C2 sinh ngày 18/9/2000, hiện cháu C2 đang sống cùng anh B tại thôn B, P. Đ.

Tại phiên tòa chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên mọi ý kiến như trên. Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị C và anh B cư trú trên địa bàn TP. T. Nay chị C có đơn yêu cầu xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh B hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa nhưng anh vắng mặt. Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý, xét xử là đúng pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- *Về hôn nhân:* Chị C và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có ĐKKH năm 1995 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo chị C nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh B nhiều lần để hòa giải nhưng anh vắng mặt, chứng tỏ anh không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa vợ chồng không đạt được nên căn cứ Điều 56 luật HNvà GĐ, chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh B.

- *Về con chung:* Chị C và anh B có 02 con chung là Lê Văn Q sinh ngày 30/10/1995 (đã thành niên) và Lê Mạnh C2 sinh ngày 18/9/2000. Chị đề nghị nếu cháu C2 muốn ở với anh B chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Nguyện vọng của cháu C2 nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu C2, mức sống bình quân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật HN và GĐ cần giao cháu C2 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị C có trách nhiêm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu C2 thành niên là phù hợp

- *Về tài sản:* Anh chị không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị C chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật HN và GĐ. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lê Văn B.

Về con chung: Chị C và anh B có 02 con chung là Lê Văn Q sinh ngày 30/10/1995 (đã thành niên) và Lê Mạnh C2 sinh ngày 18/9/2000. Giao cháu C2 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu C2 thành niên, chị C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0004817 ngày 01/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, án phí chị C còn phải nộp 300.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị C, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- UBND P. Đ;
- Chi cục THADS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Hà